

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HS-ST

Ngày 31/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thuý và bà Vũ Thị Dinh,

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, đối với:

Bị cáo **Bùi Đình T**, sinh ngày 23/8/1988 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T tỉnh Thái Bình; Số căn cước công dân: 034088003318; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bùi Đình C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Tiền án: 02

- Bản án hình sự sơ thẩm số 101/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị can chấp hành xong án phí hình sự ngày 05/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2019.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị can chấp hành xong án phí hình sự ngày 02/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/4/2022.

Tiền sự: không.

Hoạt động của bản thân: Tháng 3/2007 đến tháng 12/2008 thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Đại đội A - Đoàn 5 - Binh chủng Đặc công Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận; Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2010/HSST ngày 14/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phí ngày 25/02/2011, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2012; Ngày 25/01/2013 bị Chủ tịch UBND tỉnh T ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 228/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục T2 thời hạn 24 tháng, lý do nhiều lần trộm cắp tài sản, chấp hành xong Quyết định ngày 14/02/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2024 đến ngày 07/3/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- Người chứng kiến:

+ Ông Lê Thanh P, sinh năm 1964;

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964;

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 01/3/2024, Bùi Đình T đi bộ từ nơi ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ra ngoài đường đi nhờ xe của một người không quen biết đến xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến thôn T, xã T, T xuống xe đi bộ gặp và mua được 05 gói ma túy Heroine với giá 500.000 đồng của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ. T cất 05 gói ma túy vừa mua được vào trong túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi bộ về tìm nơi sử dụng, đi được một đoạn thì bị lực lượng Công an xã T, yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T1 và ông Lê Thanh P, T đã tự giác giao nộp 05 gói đều được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, bên trong 05 gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục. T khai đó là 05 gói ma túy, loại Heroine mua về để sử dụng cho bản thân. Tiến hành kiểm tra người Thái không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì khác. Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng, dẫn giải Thái và mời những người chứng kiến về Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 302/KL-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có khối lượng 0,3650 gam (Không phải ba nghìn sáu trăm năm mươi gam)”. Heroin STT: 09, Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 99/CT-VKSTT ngày 15/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Bùi Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm o khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt

bị cáo mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, phạt bổ sung từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 0,3332 gam ma túy loại Heroine và toàn bộ bao gói thu của Bùi Đình T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 302/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện T, Công an xã T, Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an xã T lập ngày 01/3/2024; Bản kết luận giám định số 302/KL-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh T; L1 khai người chứng kiến là ông Lê Thanh P và ông Nguyễn Văn T1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 09 giờ 30 phút ngày 01/3/2024, tại khu vực đường thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, Bùi Đình T là đối tượng có 02 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích, đã có hành vi tàng trữ trái phép 05 gói ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,3650 gam ở túi quần bên phải phía trước đang mặc, mục đích để sử dụng bị tổ công tác Công an xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình bắt quả tang. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05

năm đến 10 năm:

...

o) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được tác hại rất lớn của ma túy, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp mua về và cất giữ trong người để sử dụng cho bản thân với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý nghiêm minh, xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Do bị cáo đã từng bị xét xử về tội ma túy, chưa được xóa án tích mà còn tái phạm cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249, phạt bị cáo 15.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 0,3650 gam ma túy, loại Heroine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại 0,3332 gam và toàn bộ bao gói thu của Bùi Đình T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 302/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về nguồn gốc số ma túy: Bùi Đình T khai mua của một người đàn ông không biết tên địa chỉ, đặc điểm nhận dạng ở khu vực đường thuộc thôn T, xã T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm o khoản 2, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 06 (S) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 01/3/2024, phạt bổ sung 15.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,3332 gam ma túy, loại Heroine và toàn bộ bao gói thu của Bùi Đình T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 302/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T.

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 17/7/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Bùi Đình T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/7/2024.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Công an t. Thái Bình (PC10, PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

